

BỘ KHOA HỌC VÀ  
CÔNG NGHỆ

VIỆN KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM  
VIỆN KHOA HỌC KỸ THUẬT NÔNG  
NGHIỆP BẮC TRUNG BỘ

ĐỀ TÀI ĐỘC LẬP CẤP NHÀ NƯỚC

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ ĐỀ TÀI**

NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT TRONG  
SẢN XUẤT KHOAI LANG BỀN VỮNG THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TẠI  
VÙNG BẮC TRUNG BỘ

MÃ SỐ: ĐTDL.CN.24/20

Cơ quan quản lý: Bộ Khoa học và Công nghệ

Cơ quan chủ trì đề tài: Viện Khoa học kỹ thuật NN Bắc Trung Bộ

Chủ nhiệm đề tài: TS. Phạm Văn Linh

Thời gian thực hiện: 9/2020 - 8/2024

NGHỆ AN – 2024

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vinh, ngày 27 tháng 08 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA**

**I. Thông tin chung về nhiệm vụ:**

1. Tên nhiệm vụ, mã số:

Nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất khoai lang bền vững theo chuỗi giá trị tại vùng Bắc Trung Bộ. Mã số: ĐTĐL.CN-24/20

Thuộc:

- Chương trình (tên, mã số chương trình): Đề tài độc lập cấp Quốc gia.
- Khác (ghi cụ thể):

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

2.1. Mục tiêu chung:

Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong tuyển chọn giống, nhân giống, kỹ thuật canh tác, bảo quản, chế biến để phát triển sản xuất khoai lang bền vững theo chuỗi giá trị tại vùng Bắc Trung Bộ.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Xác định được 2-3 giống khoai lang triển vọng, gồm giống ăn tươi (thời gian sinh trưởng 120 - 130 ngày, năng suất tối thiểu đạt 12,0 tấn/ha, hàm lượng tinh bột  $\geq 17\%$ , chất khô  $\geq 25\%$ ) và giống chế biến (thời gian sinh trưởng 120 - 150 ngày, năng suất tối thiểu đạt 15,0 tấn/ha, hàm lượng tinh bột  $\geq 20\%$ , chất khô  $\geq 25\%$ ).

- Xây dựng được các quy trình kỹ thuật:

- + 01 quy trình nhân giống/1 giống
- + 01 quy trình canh tác/1 giống
- + 01 quy trình sơ chế, bảo quản/1 giống
- + 02 quy trình chế biến cho 2 sản phẩm (mứt dẻo, tinh bột).

- Xây dựng được 01 mô hình nhân giống khoai lang sạch bệnh đáp ứng cho sản xuất thương phẩm 60 ha/năm.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Phạm Văn Linh
4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung Bộ
5. Tổng kinh phí thực hiện: 6.670 triệu đồng.  
 Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 4.920 triệu đồng.  
 Kinh phí từ nguồn khác: 1.750 triệu đồng.
6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:  
 Bắt đầu: tháng 9 năm 2020  
 Kết thúc: tháng 8 năm 2024  
 Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền (nếu có):
7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Cơ quan công tác
1	Phạm Văn Linh	Chủ nhiệm đề tài	Viện KHKTNN BTB
2	Nguyễn Đức Anh	Thư ký đề tài	Viện KHKTNN BTB
3	Trần Thị Quỳnh Nga	Thành viên chính	Viện KHKTNN BTB
4	Phạm Thế Cường	Thành viên chính	Viện KHKTNN BTB
5	Trần Đình Hợp	Thành viên chính	Viện KHKTNN BTB
6	Nguyễn Nữ Thanh Linh	Thành viên chính	Viện KHKTNN BTB
7	Nguyễn Đức Hạnh	Thành viên chính	Viện Nghiên cứu Rau quả
8	Hoàng Thị Tuyết Mai	Thành viên chính	Viện Nghiên cứu Rau quả

## II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

### 1. Về sản phẩm khoa học:

#### 1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
<b>I</b>	<b>Dạng I</b>									
1.1	Giống khoai lang triển vọng		x			x			x	
1.2	Mứt dẻo (1 tấn)		x			x			x	
1.3	Tinh bột (1 tấn)		x			x			x	
1.4	Mô hình nhân giống		x			x			x	
1.5	Mô hình liên kết sản xuất, bảo quản, chế biến và tiêu thụ		x			x			x	
<b>II</b>	<b>Dạng II</b>									
2.1	Quy trình nhân giống		x			x			x	

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
2.2	Quy trình canh tác		x			x			x	
2.3	Quy trình sơ chế, bảo quản		x			x			x	
2.4	Quy trình chế biến cho 2 sản phẩm: mứt dẻo và tinh bột		x			x			x	
<b>III</b>	<b>Dạng III</b>									
3.1	Bài báo (01 bài báo đã được đăng Tạp chí khoa học công nghệ chuyên ngành quốc gia)		x			x			x	
3.2	Tham gia đào tạo (01 thạc sỹ)		x			x			x	
3.3	Tập huấn cho các hộ nông dân		x			x			x	

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1	Giống khoai lang KL20-209	2022	Trung tâm UD KHKT và BVCT Vật nuôi huyện Nghi Xuân – tỉnh Hà Tĩnh, Trung tâm DVNN huyện Thanh Chương, huyện Diễn Châu – tỉnh Nghệ An	
2	Giống khoai lang đỏ	2022	Trung tâm DVNN huyện Lệ Thủy – tỉnh Quảng Bình	
3	Giống khoai lang KTB6	2022	Trung tâm UD KHKT và BVCT Vật nuôi huyện Nghi Xuân – HT, Trung tâm DVNN huyện Lệ Thủy – tỉnh Quảng Bình.	
4	Quy trình nhân giống (3 quy trình)	2022	Trung tâm UD KHKT và BVCT Vật nuôi huyện Nghi Xuân – HT, Trung tâm DVNN huyện Lệ Thủy – tỉnh Quảng Bình.	

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
5	Quy trình canh tác (3 quy trình)	2022	Trung tâm UD KHKT và BVCT Vật nuôi huyện Nghi Xuân – HT, Trung tâm DVNN huyện Lệ Thủy – tỉnh Quảng Bình.	
6	Quy trình sơ chế, bảo quản (3 quy trình)	2022	Doanh nghiệp, Trung tâm dịch vụ NN của các huyện tại các địa phương của vùng Bắc Trung Bộ	
7	Quy trình chế biến cho 2 sản phẩm: mứt dẻo và tinh bột	2024	HTX sản xuất kinh doanh và dịch vụ khoai lang Lâm Hường	

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian ứng dụng	Tên cơ quan ứng dụng	Ghi chú
1	Giống khoai lang KL20-209	2022	Trung tâm UD KHKT và BVCT Vật nuôi huyện Nghi Xuân – tỉnh Hà Tĩnh, Trung tâm DVNN huyện Thanh Chương, huyện Diễn Châu – tỉnh Nghệ An	
2	Giống khoai lang đỏ	2022	Trung tâm DVNN huyện Lệ Thủy – tỉnh Quảng Bình	
3	Giống khoai lang KTB6	2022	Trung tâm UD KHKT và BVCT Vật nuôi huyện Nghi Xuân – HT, Trung tâm DVNN huyện Lệ Thủy – tỉnh Quảng Bình	
4	Quy trình canh tác (3 quy trình)	2022	Trung tâm UD KHKT và BVCT Vật nuôi huyện Nghi Xuân – tỉnh Hà Tĩnh, Trung tâm DVNN huyện Lệ Thủy – tỉnh Quảng Bình	
5	Quy trình chế biến cho 2 sản phẩm: mứt dẻo và tinh bột	2024	HTX sản xuất kinh doanh và dịch vụ khoai lang Lâm Hường	

## 2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

Đề tài đã xác định được 3 giống khoai lang ( giống khoai lang KL20-209 phục vụ ăn tươi, giống khoai đỏ phục vụ chế biến mứt, giống KTB6 phục vụ chế biến tinh bột) là nguồn vật liệu tốt để phát triển khoai lang tại các địa phương vùng Bắc Trung Bộ.

Đề tài đã nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân giống, canh tác, sơ chế và bảo quản thích hợp với giống Khoai lang KL20-209, giống khoai đỏ, KTB6 tại vùng Bắc Trung Bộ góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất sắn và khoai lang của người dân sản xuất, đồng thời là cơ sở để cho các nghiên cứu kỹ thuật khác tại vùng Bắc Trung Bộ.

Đề tài đã nghiên cứu hoàn thiện 2 quy trình chế biến cho 2 sản phẩm: mứt dẻo và tinh bột

## 3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

### 3.1. Hiệu quả kinh tế

- Thông qua thực hiện đề tài, đã nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ nghiên cứu, kỹ thuật sản xuất của người dân và cán bộ địa phương về sản xuất khoai lang và sắn.

- Hiệu quả kinh tế tác động sau đề tài sẽ rất lớn, hiện nay năng suất khoai lang toàn vùng đạt khoảng 7 tấn, năng suất giống chiêm dâu trong vùng từ 8 đến 9 tấn/ha, các giống khoai mới kết hợp với quy trình công nghệ của đề tài đưa năng suất đạt 15 - 20 tấn/ha, vượt gấp 1,8 đến 2,2 lần về năng suất so với giống Chiêm dâu.

- Đề tài đã góp phần mở rộng diện tích và nâng cao sản lượng khoai lang cho các tỉnh vùng Bắc Trung bộ nhờ ứng dụng giống và quy trình kỹ thuật mới đã góp phần vào việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trong nông nghiệp, tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích sử dụng đất, tạo ra vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá, góp phần giảm nghèo và đảm bảo an ninh xã hội

### 3.2. Hiệu quả xã hội

- Thông qua hiệu quả từ sản phẩm của đề tài có ý nghĩa xã hội sâu sắc, người dân sẽ mở rộng sản xuất Khoai lang đỏ, KL20-209, KTB6, tạo thêm việc làm cho người dân, hạn chế hiện tượng người nông dân bỏ ruộng đi tìm việc làm mới.

- Đề tài đã tạo ra chuỗi giá trị gắn kết: Nhà nông – nhà quản lý – Nhà khoa học – Doanh nghiệp.

## III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn



- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng

- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc

- Đạt

- Không đạt

Giải thích lý do:.....

.....

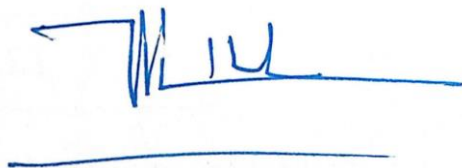
.....

.....

.....

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

**CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**  
(Họ, tên, học vị, Học hàm, họ, tên và chữ ký)



**THỦ TRƯỞNG**  
**TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**  
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)



*Trình Đức Toàn*